

7.3 Chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: THÚ Y

Tên chương trình: Thạc sĩ Thú y (Master of Veterinary medicine)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Thú y

Mã ngành: 8.64.01.01

Chuyên ngành: Thạc sĩ Thú y (Master of Veterinary medicine)

Loại hình đào tạo: Chính quy – Định hướng nghiên cứu

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 3222 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: Thạc sĩ Thú y (Master of Veterinary medicine)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Thú y

Ngành đào tạo: Thạc sĩ Thú y (Master of Veterinary medicine)

Loại hình đào tạo: Chính quy – Định hướng nghiên cứu

Mã ngành đào tạo: 8.64.01.01

1. Thông tin chung

1.1 Mục tiêu đào tạo

1.1.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình Thạc sĩ Thú y là đào tạo nhân lực có đủ năng lực (kiến thức và kỹ năng) làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực Thú y phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sĩ có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu khoa học; quản lý phát triển ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ, có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc tiến sĩ; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với mọi môi trường làm việc; có khả năng tiếp cận một cách khoa học đối với các vấn đề mới của ngành Thú y; có năng lực giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo Thạc sĩ Thú y sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể (viết tắt là PO) như sau:

- PO1:** Có đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc liên quan bảo vệ sức khỏe động vật và cộng đồng; có thái độ tích cực, hiệu quả, hợp tác, khách quan và trung thực, kiên định lập trường chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhà nước.

- PO2:** Phát triển/ nâng cao kiến thức và nguyên lý thú y cho người học, nhằm phát hiện/chẩn đoán; phòng, trị các bệnh lý xảy trên các đối tượng động vật (thú

nông nghiệp, thú cưng và thú hoang dã), kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- **PO3:** Vận dụng kiến thức nghề nghiệp và các kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước có liên quan ngành nghề.

- **PO4:** Có khả năng thực hiện các nghiên cứu (khoa học và thực tiễn), và áp dụng khoa học hiện đại vào các lĩnh vực thú y trong nước và quốc tế.

1.2 Chuẩn đầu ra

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp mỗi trình độ của giáo dục đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

PLO 1: Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng để đặt ra câu hỏi nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu để trả lời cho câu hỏi đặt ra nhằm ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.

PLO 2: Có kiến thức chuyên sâu trong nhiều trong lĩnh vực thú y để phân tích và sử dụng trong các tình huống cụ thể liên quan.

PLO 3: Có khả năng viết kế hoạch phát hiện, chẩn đoán, kiểm soát và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm trên động vật trên đối tượng cá thể và quần thể

PLO 4: Phát triển và chỉ đạo các kế hoạch, chương trình và hoạt động an toàn thực phẩm và an ninh lương thực.

PLO 5: Hiểu được vai trò của quản lý sức khỏe động vật đối với sức khỏe con người nhất là trong lĩnh vực bệnh truyền lây giữa người và động vật

PLO 6: Có khả năng viết kế hoạch và triển khai thực hiện các nghiên cứu khoa học, quản lý dữ liệu hiệu quả, phân tích và đọc/điển giải dữ liệu.

PLO 7: Có khả năng tổng hợp, phân tích các tài liệu trong và ngoài nước, sử dụng tiếng Anh tốt trong nghề nghiệp.

PLO 8: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm một cách hiệu quả.

PLO 9: Có kỹ năng giải quyết vấn đề (problem solving) một cách khoa học, lo-gic, và tính hệ thống.

PLO 10: Không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức.

PLO 11: Tôn trọng và ủng hộ các giá trị đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực chính trị, xã hội và pháp luật hiện hành.

PLO 12: Ứng xử chuyên nghiệp; làm việc chủ động, tích cực, nghiên cứu đổi mới, sáng tạo. Có khả năng, sẵn sàng làm việc trong các môi trường và điều kiện khác nhau.

1	VMED810	Bệnh Ký sinh trùng trên động vật (Advanced Veterinary Parasitology)	2	N	H	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
1	VMED811	Sinh lý sinh sản nâng cao (Advanced Reproductive Physiology of Domestic Animal)	2	N	H	S	S	N	N	N	S	S	S	S	S	S	S	N	N
1	VMED822	Bệnh Nội khoa nâng cao (Advanced Internal Medicine)	2	N	H	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
2	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Special seminar 1)	2	S	H	S	S	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	S	S
3	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Special seminar 2)	2	H	H	S	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	S	S
2	VMED812	Độc chất học thú y (Veterinary Toxicology)	2	N	H	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
2	VMED813	An toàn thực phẩm (Sanitation and Food Safety)	2	S	H	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	H	S
2	VMED814	Sinh lý nội tiết (Advanced Endocrinology Physiology)	2	N	H	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
2	VMED815	An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y (Biosafety in Animal Science and Veterinary)	2	S	H	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	H	S
2	VMED816	Chuyên đề BTN gia cầm (Special Topic for Diseases of Poultry)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
2	VMED817	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm heo (Special Topic for Contagious Diseases of Pig)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
2	VMED818	Chuyên đề Bệnh trâu bò (Special Topic for Diseases of Ruminants)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S

10/2024

2	VMED819	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chó mèo (Special Topic for Infectious Diseases of Canin & Feline)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
2	VMED820	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chung (Special Topic for Zoonosis)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
2	VMED821	Chuyên đề bệnh động vật hoang dã (Special wild animal diseases)	2	N	H	H	N	N	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S
2	VMED823	Chuyên đề bệnh sinh sản (Special Topic for Veterinary Obstetrics)	2	N	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
2	VMED824	Chuyên đề bệnh ngoại khoa thú y (Special Topic for Veterinary Surgical Medicine)	2	N	H	H	N	N	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S
2	VMED825	Sản xuất vật nuôi bền vững thích ứng biến đổi khí hậu (Sustainable animal production of adaptation to climate change)	2	N	S	N	N	N	S	S	S	H	S	S	S	S	H	H
2	VMED828	Bệnh do dinh dưỡng (Nutritional disease)	2	N	S	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
2	VMED827	Bệnh Ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật (Parasitic diseases transmitted between humans and animals)	2	N	H	H	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N
2	VMED826	Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi (Gastro-intestinal health in farm animals)	2	N	H	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	N	N	N
3	THES899	Luận Văn tốt nghiệp (Thesis)	15	H	H	S	S	H	H	H	H	H	S	S	S	S	S	S

UYG

1.4 Cơ hội việc làm

Cán bộ cấp quản lý, hoặc kỹ thuật làm việc trong các tổ chức quản lý nhà nước hay các cơ quan trong nước và quốc tế liên quan đến sức khỏe động vật và cộng đồng;

Bác sĩ thực hành điều trị tại các Bệnh viện, phòng khám thú y, trang trại, vườn thú, trung tâm cứu hộ...;

Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, Trường THPT và các viện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực Thú y.

Tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.

Chủ nhiệm hoặc tham gia các nghiên cứu sâu trong lĩnh vực và có các công trình nghiên cứu khoa học hay sản phẩm ứng dụng được công bố trên các tạp chí và hội thảo trong nước và quốc tế của ngành.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 18 tháng

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng tín chỉ):

Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức cơ bản	5	5	0
Khối kiến thức cơ sở ngành	40	22	18
Khối kiến thức chuyên ngành	15	15	0
Tổng cộng	60	42	18

4. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

4.1. Đối tượng đào tạo

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu

- Có khả năng ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu không đạt thì tham gia thi tuyển môn Anh văn)

4.2. Nguồn tuyển sinh

4.2.1. Ngành đúng và ngành phù hợp

Thú y, Chăn nuôi thú y.

4.2.2. Ngành gần

Chăn nuôi, Bệnh học thủy sản, Công nghệ sinh học, Bác sĩ đa khoa

4.2.3. Ngành xa

Thủy sản, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm sinh, Dược

Các học phần bổ túc kiến thức:

STT	Mô học	Số tiết (tín chỉ)	Ngành gần ^(a)	Ngành xa ^(b)
1	Sinh lí bệnh	60 (4)	x	x
2	Kí sinh trùng	60 (4)	x	x
3	Vi sinh thú y	60 (4)	x	x
4	Bệnh truyền nhiễm	60 (4)		x
5	Bệnh nội khoa	60 (4)		x
6	Dược lý	60 (4)		x

Ghi chú: các trường hợp khác ngoài danh mục này sẽ được Khoa em xét giải quyết;

Sinh viên được chọn: ^(a) 8 TC/ 12 TC, ^(b) 12 TC/ 24 TC

4.3. Các môn thi tuyển sinh

Xác suất thống kê, Sinh lý động vật, tiếng Anh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ” và Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ”.

6. Thang điểm

Theo thang điểm 10 (từ 0 – 10) theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
7.1 Khối kiến thức cơ bản: phải đạt 5 TC													
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	REME801	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			5	5	0	0	0	0					
7.2 Khối kiến thức cơ sở ngành													
7.2.1 Nhóm học phần bắt buộc: phải đạt 3 TC													
1	ANSC802	Thống kê ứng dụng trong sinh học (Statistics Applied in Biology)	3	2	1	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			3	2	1	0	0	0					
7.2.2 Nhóm học phần tự chọn 1 - phải đạt 0 TC													
Cộng nhóm:			0	0	0	0	0	0					
7.3 Khối kiến thức chuyên ngành													
7.3.1 Nhóm học phần bắt buộc: phải đạt 20 TC													
1	VMED803	Sinh học tế bào (Cell Biology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
2	VMED804	Miễn dịch thú y nâng cao (Advanced Veterinary Immunology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
3	VMED805	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thú y (Applied Biotechnology in Veterinary)	2	2	0	0	0	0	1	1			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
4	VMED806	Bệnh lý nâng cao (Advanced Veterinary Pathology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
5	VMED807	Vi sinh vật nâng cao (Advanced Veterinary Microbiology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
6	VMED808	Dịch tễ thú y nâng cao (Advanced Veterinary Epidemiology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
7	VMED809	Dược lý thú y nâng cao (Advanced Veterinary Pharmacology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
8	VMED810	Bệnh Ký sinh trùng trên động vật (Advanced Veterinary Parasitology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
9	VMED811	Sinh lý sinh sản nâng cao (Advanced Reproductive Physiology of Domestic Animal)	2	2	0	0	0	0	1	1			
10	VMED822	Bệnh Nội khoa nâng cao (Advanced Internal Medicine)	2	2	0	0	0	0	1	1			
11	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Special seminar 1)	2	0	0	0	0	2	1	2			
12	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Special seminar 2)	2	0	0	0	0	2	2	1			
Cộng nhóm:			24	24	0	0	0	4					
7.3.2 Nhóm học phần tự chọn 2 - phải đạt 18 TC													
1	VMED812	Độc chất học thú y (Veterinary Toxicology)	2	2	0	0	0	0	1	2			
2	VMED813	An toàn thực phẩm (Sanitation and Food Safety)	2	2	0	0	0	0	1	2			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
3	VMED814	Sinh lý nội tiết (Advanced Endocrinology Physiology)	2	2	0	0	0	0	1	2			
4	VMED815	An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y (Biosafety in Animal Science and Veterinary)	2	2	0	0	0	0	1	2			
5	VMED816	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm gia cầm (Special Topic for Diseases of Poultry)	2	2	0	0	0	0	1	2			
6	VMED817	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm heo (Special Topic for Contagious Diseases of Pig)	2	2	0	0	0	0	1	2			
7	VMED818	Chuyên đề Bệnh trâu bò (Special Topic for Diseases of Ruminants)	2	2	0	0	0	0	1	2			
8	VMED819	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chó mèo (Special Topic for Infectious Diseases of Canin & Feline)	2	2	0	0	0	0	1	2			
9	VMED820	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chung (Special Topic for Zoonosis)	2	2	0	0	0	0	1	2			
10	VMED821	Chuyên đề bệnh động vật hoang dã (Special wild animal diseases)	2	2	0	0	0	0	1	2			
11	VMED823	Chuyên đề bệnh sinh sản (Special Topic for Veterinary Obstetrics)	2	2	0	0	0	0	1	2			
12	VMED824	Chuyên đề bệnh ngoại khoa thú y (Special Topic for Veterinary Surgical Medicine)	2	2	0	0	0	0	1	2			
13	VMED825	Sản xuất vật nuôi bền vững thích ứng biến đổi khí hậu (Sustainable animal production of adaptation to climate change)	2	2	0	0	0	0	1	2			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
14	VMED828	Bệnh do dinh dưỡng (Nutritional disease)	2	2	0	0	0	0	1	2			
15	VMED827	Bệnh Ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật (Parasitic diseases transmitted between humans and animals)	2	2	0	0	0	0	1	2			
16	VMED826	Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi (Gastro-intestinal health in farm animals)	2	2	1	0	0	0	1	2			
Cộng nhóm:			32	31	1	0	0	0					
7.4 Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt 15 TC													
1	THES899	Luận Văn tốt nghiệp (Thesis)	15	0	0	0	0	0	15	2	1		
Cộng nhóm:			15	0	0	0	0	0	15				

Tổng số tín chỉ phải đạt:**60**... tín chỉ; trong đó tổng tín chỉ bắt buộc: ...**43** . và tổng tín chỉ các nhóm tự chọn: **18**....



8. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến kế hoạch giảng dạy (Phân bổ các học phần theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TT/ĐA	Khác
HK 1 (24 tín chỉ)	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0
	REME801	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)	2	2	0	0
	ANSC802	Thống kê ứng dụng trong sinh học (Statistics Applied in Biology)	3	2	1	0
	VMED803	Sinh học tế bào (Cell Biology)	2	2	0	0
	VMED804	Miễn dịch thú y nâng cao (Advanced Veterinary Immunology)	2	2	0	0
	VMED805	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thú y (Applied Biotechnology in Veterinary)	2	1	1	0
	VMED806	Bệnh lý nâng cao (Advanced Veterinary Pathology)	3	2	1	0
	VMED807	Vi sinh vật nâng cao (Advanced Veterinary Microbiology)	3	2	1	0
	VMED808	Dịch tễ thú y nâng cao (Advanced Veterinary Epidemiology)	3	2	1	0
	VMED809	Dược lý thú y nâng cao (Advanced Veterinary Pharmacology)	2	2	0	0

Handwritten red text in the bottom right corner, possibly a signature or date.

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TT/ĐA	Khác
HK 2 (20.tín chỉ)	VMED810	Bệnh Ký sinh trùng trên động vật (Advanced Veterinary Parasitology)	2	2	0	0
	VMED811	Sinh lý sinh sản nâng cao (Advanced Reproductive Physiology of Domestic Animal)				
	VMED822	Bệnh Nội khoa nâng cao (Advanced Internal Medicine)				
	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Special seminar 1)	3	2	1	0
	VMED812	Độc chất học thú y (Veterinary Toxicology)	2	2	0	0
	VMED813	An toàn thực phẩm (Sanitation and Food Safety)	2	2	0	0
	VMED814	Sinh lý nội tiết (Advanced Endocrinology Physiology)	2	2	0	0
	VMED815	An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y (Biosafety in Animal Science and Veterinary)	2	0	0	2
	VMED816	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm gia cầm (Special Topic for Diseases of Poultry)	3	2	1	0
	VMED817	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm heo (Special Topic for Contagious Diseases of Pig)	3	2	1	0
	VMED818	Chuyên đề Bệnh trâu bò (Special Topic for Diseases of Ruminants)	3	2	1	0
	VMED819	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chó mèo (Special Topic for Infectious Diseases of Canin & Feline)	3	2	1	0

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TT/ĐA	Khác
	VMED820	Chuyên đề bệnh truyền nhiễm chung (Special Topic for Zoonosis)	2	2	0	0
	VMED821	Chuyên đề bệnh động vật hoang dã (Special wild animal diseases)	2	2	0	0
	VMED823	Chuyên đề bệnh sinh sản (Special Topic for Veterinary Obstetrics)	2	1	1	0
	VMED824	Chuyên đề bệnh ngoại khoa thú y (Special Topic for Veterinary Surgical Medicine)				
	VMED825	Sản xuất vật nuôi bền vững thích ứng biến đổi khí hậu (Sustainable animal production of adaptation to climate change)				
	VMED828	Bệnh do dinh dưỡng (Nutritional disease)				
	VMED827	Bệnh Ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật (Parasitic diseases transmitted between humans and animals)				
	VMED826	Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi (Gastro-intestinal health in farm animals)	2	2	0	0
HK 3 (17 tín chỉ)	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Special seminar 2)	2	0	0	2
	THES899	Luận Văn tốt nghiệp (Thesis)	15	0	0	15

Phân phối từng học kỳ

HK1	HK2	HK3	TS tín chỉ
...24	...20	...17	61/60

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

(Trích từ đề cương chi tiết học phần - Mẫu 5.7)

9.1 Các học phần đại cương

Tên học phần:.....

Số tín chỉ:

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành:...có không....

Nêu tóm tắt nội dung học phần (tiếng Việt, Anh):.....

9.2 Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

Tên học phần:.....

Số tín chỉ:

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành:...có không....

Nêu tóm tắt nội dung học phần (tiếng Việt, Anh):.....



10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1 Danh sách các giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy
1	GS.TS. Nguyễn Ngọc Hải			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Vi sinh vật nâng cao Chuyên đề BTN heo
2	GS.TS. Dương Nguyên Khang			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Sinh lý nội tiết Sản xuất vật nuôi bền vững thích ứng biến đổi khí hậu
3	PGS.TS. Nguyễn Quang Thiệu			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Độc chất học thú y Bệnh do dinh dưỡng Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi
4	PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Miễn dịch thú y nâng cao Bệnh Nội khoa nâng cao Chuyên đề BTN gia cầm
5	PGS.TS. Lê Quang Thông			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Chuyên đề bệnh ngoại khoa thú y
6	PGS.TS. Lê Hữu Khương			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Bệnh Ký sinh trùng trên động vật Bệnh Ký sinh trùng truyền lây giữ người và động vật
7	PGS.TS. Võ Thị Trà An			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Phương pháp NCKH Dược lý TY nâng cao
8	PGS.TS. Lê Thanh Hiền			Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Phương pháp NCKH Dịch tễ thú y nâng cao An toàn thực phẩm



						An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y Chuyên đề BTN chung
9	PGS.TS. Võ Tấn Đại				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Chuyên đề BTN chó mèo Chuyên đề bệnh sinh sản
10	PGS.TS. Đỗ Tiến Duy				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Bệnh lý nâng cao
11	TS. Đường Chi Mai				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Phương pháp NCKH Sinh học tế bào Miễn dịch thú y nâng cao Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi
12	TS. Trần Thị Quỳnh Lan				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Độc chất học thú y Bệnh do dinh dưỡng Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi
13	TS. Nguyễn Kiên Cường				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Sinh lý sinh sản nâng cao Chuyên đề bệnh sinh sản
14	TS. Hoàng Thanh Hải				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	CNSH ứng dụng trong TY
15	TS. Trương Đình Bảo				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Dịch tễ thú y nâng cao An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y Chuyên đề Bệnh trâu bò
16	TS. Nguyễn Ngọc Thanh Xuân				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	An toàn thực phẩm An toàn sinh học trong Chăn nuôi thú y CNSH ứng dụng trong TY
17	TS. Nguyễn Thị Thương				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	
18	TS. Ngô Bá Duy				Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Bệnh lý nâng cao Sức khỏe đường tiêu hóa vật nuôi

10.2 Danh sách các giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy
1	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Tuấn			Hội Thú Y	
2	PGS.TS. Trần Thị Dân			Hội Thú Y	
3	PGS. TS. Hồ Thị Kim Hoa			Hội Thú Y	Sinh lý sinh sản nâng cao
4	TS. Nguyễn Văn Phát			Hội Thú Y	Sinh học tế bào
5	TS. Nguyễn Thị Phước Ninh			Hội Thú Y	Chuyên đề bệnh sinh sản
6	TS. Võ Đình Sơn			Hội Thú Y	Chuyên đề BTN gia cầm
7	TS. Nguyễn Văn Chính			Hội Thú Y	CE bệnh động vật hoang dã

Ghi chú: Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, loại ngôn ngữ

11. Danh sách Cố vấn học tập

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Thông tin liên lạc (email, sdt)

12. Cơ sở vật chất

- **Phòng học và giảng đường:** Hiện có 03 phòng trang bị các phương tiện nghe nhìn cố định tại phòng bao gồm: bảng đen, micro, bảng chiếu, LCD, hệ thống máy vi tính nối mạng internet phục vụ cho học tập, giảng dạy và tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề.

- **Thư viện trường đại học Nông Lâm Tp. HCM**

- **Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành**

Các phòng thí nghiệm vi sinh, truyền nhiễm: chẩn đoán bệnh do vi khuẩn, virus, nấm bằng kỹ thuật thường quy (nuôi cấy, phân lập) và kỹ thuật hiện đại (nuôi cấy trên tế bào, các kỹ thuật dựa trên nền tảng ELISA, PCR, realtime PCR, hóa mô miễn dịch); xác định (định tính và định lượng) độc tố nấm mốc.

Các phòng thí nghiệm bệnh lý, miễn dịch và ký sinh trùng: chẩn đoán, phân loại kí sinh trùng; chẩn đoán bệnh đại thể và vi thể bằng mô bệnh học, miễn dịch học với các phương pháp tiên tiến (ELISA, IPMA, hóa mô miễn dịch, Western blotting).

Các phòng thí nghiệm dược lý, độc chất, chẩn đoán, nội khoa: kiểm định dược phẩm, thử nghiệm in vitro dược lực học của một số thuốc thú y, xác định mức độ miễn cảm sinh bằng phương pháp MIC, nghiên cứu sự đề kháng kháng sinh ở mức độ kiểu gen (PCR, RFLP, AFLP, PFGE), độc chất học thú y, chẩn đoán bệnh bằng phương pháp cận lâm sàng (xét nghiệm máu, nước tiểu, dịch rửa).

Các phòng thí nghiệm sinh lý sinh hóa: thực hiện các thí nghiệm về sinh lý vật nuôi; các hằng số và sự biến đổi thông số sinh hóa máu.

Các phòng thí nghiệm dinh dưỡng: thực hiện các thí nghiệm, nghiên cứu về thành phần thức ăn, các chương trình tổ hợp khẩu phần chuyên dụng; sử dụng phần mềm quản lý chăn nuôi.

Các phòng thí nghiệm di truyền, giống, sản khoa: thực hiện các thí nghiệm về khai thác tinh, kiểm tra và bảo quản tinh; thu phối và chuyển cấy phối; các phần mềm quản lý giống vật nuôi.

Các phòng thí nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm: thực hiện các thí nghiệm nghiên cứu về nghiên cứu đặc tính sinh học, chỉ tiêu nuôi dưỡng, năng suất của vật nuôi.

Các phòng thí nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sức khỏe vật nuôi: nghiên cứu dịch tễ truy tìm nguồn gốc mầm bệnh, nguy cơ nguồn bệnh trong phòng chống dịch, phân tích nguy cơ vậy nhiễm vào quay thịt; xét nghiệm các chỉ tiêu lý hóa

và vi sinh các mẫu nước sinh hoạt, nước thải của trang trại, của thức ăn người và thức ăn cho vật nuôi.

Các phòng thí nghiệm cơ thể ngoại khoa: thực hiện các thí nghiệm, nghiên cứu về cơ thể học gia súc gia cầm, ứng dụng cơ thể học vào chẩn đoán, điều trị nội và ngoại khoa.

Bệnh viện thú y thực hiện các dịch vụ xét nghiệm, chẩn đoán lâm sàng và phi lâm sàng với các máy móc tương đối hiện đại (máy chụp X-quang, máy siêu âm, máy xét nghiệm máu).

Trại thí nghiệm chăn nuôi heo, bò sữa, gà, vịt thực hiện các nghiên cứu của sinh viên và giảng viên trong khoa về dinh dưỡng, thử nghiệm thuốc.

Xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi thực hiện các nghiên cứu của sinh viên và giảng viên trong khoa liên quan đến dinh dưỡng và công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Xưởng dược thú y thực hiện các nghiên cứu của sinh viên và giảng viên về dược lý, thuốc thú y.

- Giáo trình, tài liệu bài giảng:

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB, năm XB/Website

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo quy định và quy chế của trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

TRƯỞNG PHÒNG ĐT SDH

PGS.TS. Lê Anh Đức

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Lê Quang Thông